

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 02 – 2026

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bé.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 24 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huệ E, sinh năm 1990.

Địa chỉ: C, ấp L, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp C, ấp L, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị Huệ E vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; anh Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2025, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Huệ E trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Huệ E và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới thì chị Huệ E và anh C về sống chung bên gia đình chị Huệ E. Thời gian đầu vợ chồng sống chung có hạnh

phúc, nhưng đến đầu năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh C không quan tâm vợ con và hay bạo lực với vợ con, anh C bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh C sinh sống mà không sống chung với chị Huệ E nữa, nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay mà không hàn gắn được. Hiện nay chị Huệ E không còn ý định muốn hàn gắn và không còn tình cảm với anh C nên chị Huệ E yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Huệ E và anh C có con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 06/5/2010, Lê Trí K, sinh ngày 18/4/2011. Khi ly hôn chị Huệ E yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con và chị Huệ E không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Hiện nay hai con đang sống chung với chị Huệ E.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huệ E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn C*: Anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh C vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huệ E, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huệ E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Huệ E. Về hôn nhân: Chị Huệ E được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 06/5/2010, Lê Trí K, sinh ngày 18/4/2011 cho chị Huệ E được quyền trực tiếp nuôi, anh C không phải cấp dưỡng cho con do chị Huệ E không có yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huệ E và các tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Lê Văn C cư trú tại ấp L, xã P, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 (nay là khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Trần Thị Huệ E được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huệ E, anh C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Huệ E yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn C; anh C không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị Huệ E.

Hôn nhân giữa chị Huệ E và anh C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên là hôn nhân hợp pháp. Chị Huệ E xác định trong quá trình chung đến đầu năm 2025 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không quan tâm vợ con, hay bạo lực với vợ con, bỏ về nhà cha mẹ anh C mà không sống chung với chị Huệ E và anh C sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay mà không hàn gắn được. Nay chị Huệ E không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu ly hôn với anh C.

Xét thấy, từ trình bày của chị Huệ E cho thấy chị Huệ E và anh C đã không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng về việc thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình từ đầu năm 2025 đến nay. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Huệ E và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Huệ E yêu cầu ly hôn với anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huệ E đối với anh C.

[2.2] Về con chung:

Chị Huệ E xác định chị Huệ E và anh C có hai con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 06/5/2010, Lê Trí K, sinh ngày 18/4/2011. Khi ly hôn, chị Huệ E yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu H, cháu K và chị Huệ E không có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C không cung cấp cho Tòa án ý kiến, yêu cầu đối

với con chung.

Xét thấy, chị Huệ E đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu K từ khi chị Huệ E và anh C ly thân đến nay, chị Huệ E đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, cháu K và cho hai cháu đi học. Mặt khác, cháu H, cháu K đã trên 07 tuổi, có văn bản ghi nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị Huệ E.

Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu H, cháu K như đã phân tích; đồng thời xem xét nguyện vọng của cháu H, cháu K; không cần thiết làm thay đổi hoàn cảnh sống ổn định của cháu H, cháu K, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi cháu H, cháu K của chị Huệ E, là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; anh C không phải cấp dưỡng cho cháu H, cháu K do chị Huệ E không có yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huệ E không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huệ E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (nay là khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025), điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huệ E.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Huệ E được ly hôn với anh Lê Văn C (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01, ngày 08/7/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp).

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 06/5/2010, Lê Trí K, sinh ngày 18/4/2011 cho chị Trần Thị Huệ E được quyền trực tiếp nuôi. Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng cho con do chị Trần Thị Huệ E không có yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Lê Văn C không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Trần Thị Huệ E có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Lê Văn C.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Huệ E và anh Lê Văn C không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Huệ E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006722 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Huệ E đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 11 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Phú Thọ, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thùy Trang